ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4479 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày* 09 *tháng* 11 *năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019 ***(bổ sung lần 3).***

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, về giải thích một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý Vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị quyết 110/NQ-CP ngày 02/12/2020 về ban hành danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c, Khoản 2, Điều 59 của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 21/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thông qua dự án "Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019";

Căn cứ Nghị quyết số 165/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về Bổ sung vào Điểm 7.1, Khoản 7, Điều 1 Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 21/9/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua dự án Điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019 (bổ sung lần 3);

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đất sét làm gạch, ngói nung tuynel tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ Dự án điều chỉnh, bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 4924/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về điều chỉnh nội dung trong Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 26/9/2019;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7976/TTr-SXD ngày 29/10/2021 (kèm theo báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019 (bổ sung lần 3), cụ thể như sau:

Bổ sung 01 (một) mỏ đất san lấp với tổng diện tích 154,7414 ha, trữ lượng tài nguyên dự báo khoảng 6,64 triệu m^3, tại núi Chuột Chù, xã Hải Yến và phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn (Phụ lục kèm theo) vào khoản 6, Điều 1, Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định này và Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh, tổ chức, triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải; Công an tỉnh; Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 QĐ;
- Các bộ: XD, TN&MT, CT, KHĐT (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục

Danh sách mỏ đất san lấp bổ sung vào các Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đã phê duyệt trước ngày 01/01/2019 *(bổ sung lần 3)*.

(Kèm theo Quyết định số /UBND-QĐ ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khu mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng tài nguyên dự báo (m^3)	Ranh giới, tọa độ điểm góc của khu vực mỏ *(X-Y; hệ tọa độ VN 2.000 múi chiếu 3^0)*	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Mỏ đất san lấp núi Chuột Chù, xã Hải Yến và phường Hải Thượng, thị xã Nghi Sơn	154,7414	6.646.753	2139417,30-580762,40; 2139366,40-580765,50; 2139262,20-580836,50; 2139046,40-581241,30; 2139046,40-581350,80; 2138757,20-581695,50; 2139246,50-583344,90; 2139696,10-583301,90; 2140190,00-583121,00; 2139060,00-582896,00; 2139697,30-582474,50; 2139555,70-582181,10; 2139493,40-581568,80; 2139549,60-581305,20; 2139143,20-581347,60.	Bản đồ số 1